

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

– Tên gói thầu: Gói thầu 10 – 26 “Phụ kiện lắp đặt tủ RMU” thuộc dự án “Mua sắm VTTB năm 2026 của Công ty Điện lực Chợ Lớn”.

– Địa điểm thực hiện dự án: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn – Số 1A Thuận Kiều, Phường Chợ Lớn – TP.HCM.

– Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

– Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH.

– Bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn.

– Yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu: Bên mời thầu điền đầy đủ các nội dung thông tin về Phạm vi cung cấp hàng hóa (*Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 01A Chương IV: Ngày giao hàng sớm nhất và Ngày giao hàng muộn nhất kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản yêu cầu giao hàng*) theo Mẫu số 01A trong Chương IV – Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

– Quy mô của dự án:

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng
1.	Bộ đầu cáp Elbow 24kV 3*50mm ² (<i>tích hợp bộ đỡ ống chì dùng cho ngăn T</i>) của tủ Ormazabal	Bộ	23
2.	Ống bộ đỡ chì ngăn T tủ RMU 24kV của tủ Ormazabal	Cái	39

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.2.1. Yêu cầu về cung cấp tài liệu kỹ thuật trong E – HSDT

– Trong E – HSDT, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu sau đây (*xem tiêu chí đánh giá E – HSDT về mặt kỹ thuật để biết yêu cầu về các tài liệu này*):

(1). Bảng tóm tắt các thông số đặc tính kỹ thuật theo mẫu quy định trong E – HSDT (*để xem xét và đánh giá các tiêu chí Bảng tóm tắt các thông số kỹ thuật*

và thông tin về hàng hoá chào thầu và tiêu chí đánh giá Thông số kỹ thuật của E – HSMT).

(2). Catalog của Nhà sản xuất đúng với hàng hóa chào thầu. Trong đó, thông số đặc tính kỹ thuật (*thể hiện trong catalog*) phải phù hợp với các thông số đặc tính kỹ thuật trình bày trong bảng tóm tắt các thông số đặc tính kỹ thuật (*để xem xét và đánh giá các thông số trên Catalog và tiêu chí đánh giá Thông số kỹ thuật của E – HSMT*).

(3). Bản sao giấy chứng nhận quản lý chất lượng (*Nhà sản xuất (trường hợp Nhà thầu là Nhà sản xuất) phải có chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng (ISO-9001 hoặc tương đương) được áp dụng vào ngành nghề sản xuất thiết bị. Nhà sản xuất phải có phòng thử nghiệm xuất xưởng với các trang thiết bị phục vụ thử nghiệm được kiểm chuẩn bởi cơ quan quản lý chất lượng*).

(4). Văn bản cam kết bảo hành hàng hóa tối thiểu 36 tháng kể từ ngày hàng hóa được chấp nhận nghiệm thu. Văn bản cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp. Văn bản cam kết thiết bị phải đáp ứng được độ bền đối với các điều kiện về khí hậu và môi trường tại Việt Nam: được nhiệt đới hóa, phù hợp với điều kiện môi trường lắp đặt vận hành.

(5). Các tài liệu kỹ thuật khác như yêu cầu trong quy cách (tiêu chuẩn) kỹ thuật của hàng hóa tại các Phụ lục – Phần 5 của E – HSMT (nếu có).

1.2.2. Yêu cầu về cung cấp tài liệu kỹ thuật trước khi giao hàng:

a. Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ bản chính các tài liệu sau:

(1). Biên bản thử nghiệm thường xuyên (*xuất xưởng*):

– Biên bản thử nghiệm thường xuyên (*xuất xưởng*) phải do chính Nhà sản xuất thực hiện trên mỗi sản phẩm trước khi xuất xưởng.

– Có đầy đủ các hạng mục và kết quả thử nghiệm đáp ứng quy định trong E – HSMT tại Phần 5. Phụ lục quy cách (tiêu chuẩn) kỹ thuật.

– Phải thể hiện rõ tên của Nhà sản xuất, Nước sản xuất, mã hiệu, mã số xuất xưởng (nếu có).

(2). Giấy chứng nhận chất lượng và số lượng:

– Giấy chứng nhận chất lượng và số lượng phải do chính Nhà sản xuất thực hiện.

– Nhà sản xuất phải chứng nhận toàn bộ các hàng hóa cung cấp theo hợp đồng chưa qua sử dụng và có chất lượng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định trong hợp đồng.

(3). Giấy chứng nhận bảo hành.

(4). Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì bằng tiếng Việt và tiếng Anh (*nếu là vật tư ngoại nhập*).

* Lưu ý: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu hướng dẫn lắp đặt, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu của tất cả các thiết bị theo hợp đồng một cách đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu để cho Chủ đầu tư hoặc các Nhà thầu chuyên nghiệp về lắp đặt thiết bị có thể tiến hành công tác lắp đặt, thí nghiệm, chạy thử mà không phụ thuộc vào sự hướng dẫn của chuyên gia nhà máy chế tạo tại hiện trường, phải bao gồm ít nhất những nội dung sau: (*Áp dụng cho các thiết bị như: Máy cắt $\geq 800A$, LA, FCO, LBFCO, Dao cách lý (DS), Tủ điện hạ thế tổng, Thiết bị thí nghiệm, dụng cụ thi công, máy phát điện...*):

– Tuổi thọ thiết kế trung bình của thiết bị, điều kiện về chế độ vận hành để đảm bảo đạt được tuổi thọ thiết kế.

– Hướng dẫn chi tiết công tác bảo quản, vận chuyển, quy trình lắp đặt, thí nghiệm đóng điện sau khi lắp đặt.

– Hướng dẫn vận hành thiết bị trong điều kiện bình thường, xử lý những bất thường, cảnh báo những chế độ vận hành không bình thường làm ảnh hưởng đến chất lượng, tuổi thọ thiết bị (có phân loại mức độ ảnh hưởng do các chế độ vận hành không bình thường khác nhau gây ra).

– Hướng dẫn chi tiết về tần suất, hạng mục kiểm tra, giám sát, theo dõi những chỉ thị, biểu thị trên thiết bị để phát hiện kịp thời sự bất thường, nguy cơ hư hỏng của thiết bị.

– Hướng dẫn công tác thí nghiệm (định kỳ theo từng giai đoạn từ khi bắt đầu đưa thiết bị vào vận hành, các hạng mục thí nghiệm phải thực hiện) các thông số và cách đánh giá để đảm bảo thiết bị đủ tiêu chuẩn vận hành tin cậy.

– Hướng dẫn công tác bảo dưỡng định kỳ, thay thế linh phụ kiện, sửa chữa những hư hỏng của từng bộ phận để đảm bảo thiết bị đáp ứng vận hành đúng các chức năng.

– Nêu những yêu cầu về đào tạo, trang thiết bị cần để vận hành, thí nghiệm, kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, nêu khuyến cáo những linh kiện cần dự phòng và điều kiện thay thế.

(5). Bản vẽ lắp đặt vật tư thiết bị (*nếu có phần lắp đặt vật tư thiết bị*):

– Bản vẽ lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.

– Bản vẽ đấu nối mạch nhất thứ và nhị thứ (nếu có).

– Bản vẽ kích thước với đầy đủ danh mục và số lượng các chi tiết (*giá đỡ, các chi tiết của giá đỡ,...*).

b. Tiến độ cung cấp và xem xét các tài liệu:

– Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu trước khi giao hàng để Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến.

– Tiến độ cung cấp tài liệu: Nhà thầu phải cung cấp là trước ngày giao hàng 03 ngày.

– Nếu bất kỳ tài liệu kỹ thuật hoặc Biên bản thử nghiệm thường xuyên (*xuất xưởng*) nào không đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần 5. Phụ lục quy cách (tiêu chuẩn) kỹ thuật. Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận sản phẩm tương ứng với tài liệu kỹ thuật hoặc Biên bản thử nghiệm thường xuyên (*xuất xưởng*) không đạt yêu cầu, bất kỳ một sự hiệu chỉnh nào trên Biên bản thử nghiệm thường xuyên (*xuất xưởng*) đã cung cấp cho Chủ đầu tư đều không chấp nhận và Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hàng hóa khác đạt chất lượng để thay thế, mọi chi phí liên quan do Nhà thầu chi trả.

1.2.3. Thử nghiệm nghiệm thu:

– Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá hàng hóa theo các yêu cầu về kỹ thuật quy định trong hợp đồng. Hàng hóa sẽ được Chủ đầu tư vận hành sử dụng trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận hàng. Trong thời gian này nếu hàng hóa bị lỗi, Nhà thầu phải thay thế hàng hóa khác tương đương.

– Sau thời gian vận hành sử dụng, Chủ đầu tư sẽ phát hành văn bản nghiệm thu chấp nhận hàng hóa đã cung cấp đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng.

– Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thấy nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, Chủ đầu tư sẽ lấy hàng hóa do Nhà thầu cung cấp để thử nghiệm tại một đơn vị thử nghiệm/kiểm định độc lập. Trong trường hợp xác định hàng hóa không đủ chất lượng do lỗi của Nhà thầu thì chi phí thử nghiệm do Nhà thầu chịu, đồng thời Nhà thầu phải đổi lại toàn bộ hàng hóa đã giao bằng hàng hóa mới đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng và bồi hoàn cho Chủ đầu tư mọi chi phí liên quan (*nếu có*).

– Trong vòng 45 ngày kể từ ngày giao nhận hàng Chủ đầu tư có quyền khiếu nại với Nhà thầu do kết quả thử nghiệm nghiệm thu cho thấy hàng giao không đạt yêu cầu hoặc do phát hiện hàng hóa có sai sót mà trong lúc giao nhận chưa phát hiện được.

– Trong trường hợp hàng hóa nhận được không phù hợp với những quy định trong hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và Nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hóa khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hóa không phù hợp đó trong vòng 10 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hóa không phù hợp cho Nhà thầu.

– Trong trường hợp Nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì Chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và Nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.

– Trong thời gian bảo hành, nếu phát hiện hàng hóa đang sử dụng có dấu hiệu hư hỏng hoặc kém chất lượng, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hoặc thử nghiệm lại tại một đơn vị thử nghiệm/kiểm định độc lập. Trong trường hợp đơn vị thử nghiệm/kiểm định độc lập do Chủ đầu tư chọn xác định hàng hóa không đủ chất lượng theo điều

kiện của hợp đồng đã ký hoặc do lỗi của Nhà thầu, tùy theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải bồi thường phần giá trị hàng hóa không đủ chất lượng trên hoặc đổi lại toàn bộ hàng hóa đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng và bồi hoàn cho Chủ đầu tư mọi chi phí liên quan, kể cả việc tháo dỡ, vận chuyển,... hàng hóa do Chủ đầu tư đã lắp đặt.

1.2.4. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của từng mặt hàng:

Xem Phần 5. Phụ lục quy cách (tiêu chuẩn) kỹ thuật đính kèm.

Lưu ý: E – HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến E – HSDT việc trao đổi giữa Nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu chứng minh và tư liệu bổ trợ trong E – HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời phải kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt và phải có xác nhận của Nhà thầu. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu gửi bổ sung.

1.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải nộp cùng với E – HSDT các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa như sau:

– Nếu hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài, Nhà thầu phải cam kết sẽ cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa lúc giao hàng (*nếu trúng thầu*), do tổ chức thuộc quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên những quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.

Mục 2. Bản vẽ và tài liệu kỹ thuật

Xem Phần 5. Phụ lục quy cách (tiêu chuẩn) kỹ thuật đính kèm.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

ST T	Danh mục hàng hoá	Số lượng, đợt giao hàng lấy mẫu	Hạng mục thử nghiệm khi nghiệm thu	Số lượng mẫu thử nghiệm
1.	Bộ đầu cáp Elbow 24kV 3*50mm ² (<i>tích hợp bộ đỡ ống chì dùng cho ngăn T</i>) của tủ Ormazabal	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư xác định khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra ngoại quan. – Kiểm tra sử dụng thực tế tại hiện trường. 	01 mẫu
2.	Ống bộ đỡ chì ngăn T tủ RMU 24kV của tủ Ormazabal		<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra ngoại quan. – Kiểm tra sử dụng thực tế tại hiện trường. 	01 mẫu

